

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HS-PT

Ngày: 13-7-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoài

Các Thẩm phán: Ông Dư Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại Hội trường Tổ 6, Phường 2, thành phố B, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2022/TLST-HS ngày 25/4/2022 đối với bị cáo Phạm Thị T; do có kháng cáo của bị hại Vũ Thị Ng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

** Bị cáo bị kháng cáo.*

Họ và tên: **Phạm Thị T**, sinh năm 1993 tại Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: Thôn 7, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Thôn 8, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nhân viên bán xăng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị Y, sinh năm 1969; chồng: Trần Thanh Th, sinh năm 1991 đã ly hôn năm 2019; có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Thị Lệ Th – Văn phòng Luật sư Phan Lệ Th; Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

** Người bị hại kháng cáo:* Bà Vũ Thị Ng, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 15, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi ly hôn với anh Trần Thanh Th một thời gian thì bị cáo T và anh Th mở quán ăn uống tại xã H, huyện D; các đồ dùng của quán như bàn ghế, tủ lạnh, bếp ga,... đều do bị cáo T mua. Quá trình bán quán phát sinh mâu thuẫn nên anh Th không làm ăn chung nữa và đem theo toàn bộ vật dụng nói trên xuống thôn 4, xã L, huyện B mở quán nhậu chung với bà Vũ Thị Ng.

Ngày 12/4/2021, chị Phạm Thanh H em gái ruột của bị cáo T biết được anh Th mở quán nhậu tại xã L với bà Ng nên nói cho T biết để đòi lại mà anh Th đã lấy đi. Bị cáo T rủ chị H cùng ông Trần Văn Ch, chị Biện Thị Th và hẹn chiều ngày 13/4/2021 sẽ đến quán của bà Ng để lấy lại các vật dụng nấu ăn nói trên.

Khoảng 14h00' ngày 13/4/2021, bị cáo T, chị H đi xe máy đến thôn 4, xã L. Bị cáo T vào quán cà phê gần ngã tư thuộc Thôn 4, xã L đợi còn chị H đi xe máy đón anh Th tại thị trấn L1, rồi quay lại chỗ T. Đợi một lúc thì anh Ch và T (bạn của Ch, chưa xác định được nhân thân lai lịch) cũng đến quán cà phê gặp nhóm của bị cáo T. Trong lúc cả nhóm đang ở quán cà phê thì Nguyễn Nguyên Kh (bạn trai Biện Thị Th) điều khiển xe taxi La Do chở bạn là Đinh Xuân Tr, Đặng Thị Hồng Th1 đến quán của anh Th để nhậu và gọi Biện Thị Th qua nhậu cùng.

Sau đó, bị cáo T đi bộ trước còn chị H, anh Ch, anh Tới đi bộ phía sau từ quán cà phê để đến quán nhậu của anh Th. Khi đến gần quán, bị cáo T thấy bà Ng đang đi vào phòng trọ của bà Ng (sát bên cạnh quán nhậu của anh Th) thì T muốn nói cho bà Ng biết các vật dụng nấu ăn là của bị cáo T mua nên chạy đuổi theo bà Ng vào tới gần phòng ngủ bên trong phòng trọ của bà Ng. Bị cáo T nói *“Chị ra đây em nói chuyện, em là vợ anh Th”* thì bà Ng trả lời *“Tao không biết mày, nó không có vợ”*. Bị cáo T bức tức, thấy bà Ng đang lấy tiền ở trong túi của tạp giề đang đeo phía trước người ra thì bị cáo T dùng một tay kéo tay bà Ng ra để nói chuyện nhưng bị trượt nên không kéo được. Bị cáo T thấy tiền của bà Ng dưới nền nhà thì nảy sinh lòng tham nên lấy tiền của bà Ng nhét vào túi quần trước, bên trái bị cáo T đang mặc. Thấy vậy, bà Ng yêu cầu bị cáo T trả lại tiền nhưng bị cáo T không trả. Bà Ng liền xông vào lấy lại tiền thì bị cáo dùng tay ngăn lại, tát vào mặt, cào vào tay bà Ng; bị cáo T và bà Ng nắm tóc nhau giằng co, xô xát ra đến gần cửa phòng trọ thì chị H đi đến dùng tay đánh bà Ng (Chị H không biết việc bị cáo lấy tiền của bà Ng). Cả ba đánh nhau một lúc thì được anh Th can ngăn.

Sau đó, bị cáo T đi qua quán nhậu của anh Th yêu cầu lấy lại các vật dụng, tài sản trước đây bị cáo T đã mua thì anh Th đồng ý. Lúc này, trong quán nhậu có bị cáo T, anh Th, chị H, bà Ng, anh Ch, chị Biện Thị Th. Tại đây, bà Ng dùng tay tát chị H một cái vào mặt thì bị chị H, bị cáo T, chị Th tiếp tục đánh nhau với bà Ng bằng tay, chân thì được can ngăn nên không đánh nhau nữa.

Bị cáo T thuê 01 xe ba gác chở các vật dụng (bàn ghế, tủ lạnh, bếp ga,...) trong quán của anh Th về nhà tại xã H, huyện D. Khi về đến nhà, bị cáo T kiểm tra số tiền lấy được của bà Ng là 810.000đ bao gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau. Bị cáo T lấy 500.000đ trả tiền thuê xe ba gác, số tiền còn lại, bị cáo T dùng mua thịt chó cùng ăn nhậu với chị H, anh Ch, anh T. Trong khi nhậu, bị cáo nói cho mọi người nghe việc bị cáo có lấy tiền của bà Ng nhưng không nói cụ thể như thế nào. Sau đó, bị cáo kể việc lấy được số tiền 810.000đ của bà Ng trên nhóm Zalo của gia đình bị cáo.

Ngày 14/4/2021 bà Ng đến Công an xã L trình báo sự việc và chuyển hồ sơ đến Công an huyện B để xác minh điều tra theo thẩm quyền.

Tại kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 14/4/2021 và biên bản xác định hiện trường ngày 28/5/2021, xác định được: Vị trí bị cáo chiếm đoạt số tiền 810.000đ của bà Ng là ở trong phòng trọ của bà Ng, cách cửa phòng ngủ 0,35m, cách cửa chính là 4,85m, thuộc thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Kết quả kiểm tra điện thoại nhãn hiệu SamSung Galaxy J7 Prime, số sim 0356517019, thu giữ tin nhắn Zalo nhóm “*Gia Đình*” trên điện thoại của chị H có nội dung: “T: *Quyên chưa kể, còn hốt được tiền nữa, kkk; con kia quăng ra tao hốt bỏ túi, Dc 810k; Thuê xe 500k, Còn 310k nhậu*”; “L: *Con kia quăng tiền đi đâu; T: Ra để đếm hay làm gì thì tao không biết; Móc hết 2 túi dc bằng đó*”.

Đối với bà Ng khai báo: Ngoài số tiền 810.000đ bị cáo chiếm đoạt đã thu giữ, số tiền bà Ng bị mất là khoảng 02 - 03 triệu đồng và 01 vòng tay bằng vàng. Tuy nhiên, bà Ng không xác định được cụ thể số tiền, thời gian, địa điểm bị mất nên không có cơ sở để xem xét.

Sau khi bị đánh ngày 14/04/2021 bà Ng đến Bệnh viện II Lâm Đồng khám thương tích và được cấp giấy chứng nhận thương tích số 108/CN ngày 10/05/2021, chẩn đoán: *Bị đa chấn thương phần mềm do bị đánh*. Bà Ng có yêu cầu giám định thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích 170/2021-TgT ngày 11/06/2021, Trung tâm Pháp y tỉnh Lâm Đồng kết luận: *Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Vũ Thị Ng: 0%.*

Đối với bị cáo T, chị H, chị Th: Qua làm việc xác định bị cáo, chị H chỉ bị trầy xước da; chị Th không bị thương tích. Bị cáo và chị H không đi khám thương tích tại các cơ sở y tế, không có yêu cầu đi giám định thương tích.

Tại Bản cáo trạng 79/CTr-VKS ngày 18/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo bị cáo T về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2022/HS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã xử;

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/02/2022).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Ng tổng cộng 5.000.000đ (năm triệu đồng). Trong đó: Chi phí đi giám định 250.000đ, tiền thuốc 950.000đ, ngày công lao động bị mất 1.800.000đ, tổn thương tinh thần 1.000.000đ.

- Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Ng số tiền 810.000đ tiền đã chiếm đoạt của bị hại Ng vào ngày 13/4/2021.

Được khấu trừ vào số tiền 5.810.000đ bị cáo đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Sau khi khấu trừ thì bị cáo đã bồi thường đủ các khoản bồi thường nêu trên.

Ngoài ra, bản án còn xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/3/2022 bị hại Ng kháng cáo xử bị cáo tù giam, tăng mức bồi thường trách nhiệm dân sự.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo không thắc mắc, khiếu nại nội dung bản án sơ thẩm và khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị hại bà Vũ Thị Ng giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Về hình phạt yêu cầu phải xử phạt bị cáo ít nhất 1 năm tù giam; về trách nhiệm dân sự, yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 30 triệu đồng gồm: 1 đôi bông tai vàng trị giá 2.800.000 đồng và 1 lắc tay trị giá 5.200.000 đồng bị mất trong lúc xô xát nhưng không có chứng cứ; tiền tổn thương tinh thần 15.000.000 đồng; tiền thuốc, tiền xe đi khám bệnh 3.000.000 đồng; tiền tu dưỡng 3.400.000 đồng; tiền thiệt hại không buôn bán được 1.500.000 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Th bào chữa cho bị cáo thống nhất với bản án sơ thẩm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo và các chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14h ngày 13/4/2021, với mục đích đến phòng trọ của bị hại Ng tại ngã tư thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng để lấy lại toàn bộ vật dụng như bàn ghế, tủ lạnh, bếp ga,...; trước đây bị cáo mua để mở quán ăn uống chung với anh Trần Thanh Th chồng cũ của bị cáo. Tại đây, trong lúc bị hại Ng đang lấy tiền trong tập giẻ đeo trước người ra thì bị cáo dùng tay kéo bị hại lại để nói chuyện nhưng bị trượt. Thấy tiền của bị hại rơi xuống nền nhà thì bị cáo nảy sinh lòng tham lấy tiền bỏ vào túi quần trước, bên trái của bị cáo đang mặc. Bị hại thấy vậy đã yêu cầu bị cáo trả lại nhưng bị cáo không trả. Bị hại xông vào lấy lại tiền của mình thì bị cáo dùng tay ngăn lại, tát vào mặt, cào vào tay bị hại với mục đích chiếm đoạt số tiền này của bị hại; cả hai nắm tóc giằng co, xô xát ra đến gần cửa phòng trọ thì chị H đi đến dùng tay đánh bị hại. Cả ba đánh nhau một lúc thì được anh Th can ngăn.

Sau đó bị cáo đi qua quán nhậu của anh Th yêu cầu lấy lại các vật dụng, tài sản trước đây bị cáo đã mua thì anh Th đồng ý. Lúc này, trong quán nhậu có bị cáo, anh Th, chị H, bà Ng, anh Ch, chị Biện Thị Th. Tại đây, bà Ng dùng tay tát chị H một cái vào mặt thì bị chị H, bị cáo T, chị Th tiếp tục đánh nhau với bà Ng bằng tay, chân thì được can ngăn nên không đánh nhau nữa. Sau khi mất tiền bị hại có đơn trình báo Công an xã L, quá trình điều tra bị cáo khai nhận đã chiếm đoạt được của bị hại là 810.000đ.

Đối chiếu lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị hại: Đơn kháng cáo của bị hại gửi trong thời hạn và đúng quy định nên được xem xét.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, mà còn đe dọa đến tính mạng sức khỏe của người bị hại, gây T lý hoang mang lo sợ đến quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương trong tình hình tội phạm ngày càng tăng cả tính chất phức tạp và mức độ phạm tội. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả do mình gây ra; nên được áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo đã ly hôn là lao động chính trong gia đình và đang trực tiếp nuôi 02 con nhỏ. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, bị cáo có khả năng tự cải tạo. Do đó, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự và việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là hoàn toàn phù hợp. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị hại về yêu cầu không áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bồi thường thêm 30 triệu đồng gồm các khoản: 1 đôi bông tai vàng trị giá 2.800.000 đồng và 1 lắc tay trị giá 5.200.000 đồng bị mất; tiền tổn thương tật tinh thần 15.000.000 đồng; tiền thuốc, tiền xe đi khám bệnh 3.000.000 đồng; tiền tử đông 3.400.000 đồng; tiền thiệt hại không buôn bán được 1.500.000 đồng nhưng không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét thấy; bị hại chỉ bị xây xát ngoài da, không nằm viện điều trị, có tổn thương tật tinh thần nhưng không lớn. Do đó, cấp sơ thẩm đã xem xét buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tiền thuốc có chỉ định bác sĩ 600.000đ, thuốc không có chỉ định của bác sĩ 350.000đ, chi phí đi lại 250.000đ, thu nhập thực tế bị mất 1.800.000đ, tổn thương tật tinh thần 1.000.000đ và số tiền 810.000đ bị cáo đã chiếm đoạt là hoàn toàn phù hợp. Do vậy không chấp nhận kháng cáo của bị hại về yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại.

[3] Về án phí: Bị hại kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; vụ án do bị hại kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Vũ Thị Ng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị T phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị T 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/02/2022).

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án có sự thay đổi nơi cư trú thì việc Thi hành án thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự:

- Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Ng tổng cộng 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Trong đó: Chi phí đi giám định 250.000đ, tiền thuốc 950.000đ, ngày công lao động bị mất 1.800.000đ, tổn thương tinh thần 1.000.000đ.

- Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Ng số tiền 810.000đ tiền đã chiếm đoạt của bị hại Ng vào ngày 13/4/2021.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường 5.810.000 đồng; được trừ số tiền 5.810.000 đồng bị cáo đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo Giấy nộp tiền ngày 10/6/2021 và ngày 12/10/2021 của Ngân hàng TMCP Công Th Việt Nam.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện B (02);
- VKSND huyện B (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện B (01);
- Cơ quan THAHS CA huyện B (01);
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh Lâm Đồng (01);
- Bị cáo (01); bị hại (01)
- Hồ sơ THAHS (03);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoài